

**CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ KẾ TOÁN KSIT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM VÀ DỊCH VỤ KẾ TOÁN KSIT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108233948

**3. Ngày thành lập:** 12/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1, ngách 342/28, ngõ 342 đường Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết: Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế                                           | 6920        |
| 2.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                              | 6201(Chính) |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                    | 6209        |
| 4.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                 | 6311        |
| 5.  | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                          | 6312        |
| 6.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet; Đại lý dịch vụ viễn thông; Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông | 6190        |
| 7.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4761        |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                | 4651        |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                 | 4652        |
| 10. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                             | 4741        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)           | 4659        |
| 12. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                   | 8510        |
| 13. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                  | 8520        |
| 14. | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                    | 8531        |
| 15. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                               | 8532        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                              | 8552 |
| 17. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8541 |
| 18. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                                                                                                                                           | 8542 |
| 19. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Các dịch vụ dạy kèm (gia sư)<br>-Giáo dục dự bị<br>-Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém<br>-Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>-Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại<br>-Dạy đọc nhanh | 8559 |
| 20. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                                            | 7810 |
| 21. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                               | 7820 |
| 22. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                      | 6202 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>-Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>-Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                          | 4649 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                | 4742 |
| 25. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                            | 8551 |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8560 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LẠI XUÂN QUYỀN | Thôn Đồng Lạng, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam               | 4.500.000.000         | 50,000    | 121428843                                                                                                                                         |         |
| 2   | ĐINH THỊ CHI   | Thôn Viêm Khê, Xã Hợp Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 4.500.000.000         | 50,000    | 001190001771                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 12/04/2018 đến ngày 12/05/2018

\* Họ và tên: ĐINH THỊ CHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001190001771

Ngày cấp: 25/08/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Viêm Khê, Xã Hợp Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Viêm Khê, Xã Hợp Tiến, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội